

Tăng tỷ trọng

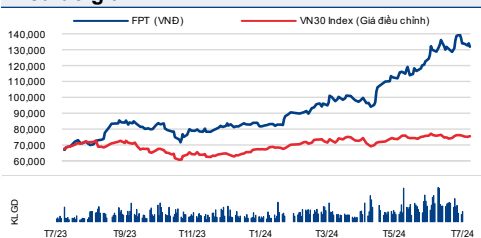
Giá mục tiêu: VND147,200

Tiềm năng tăng/giảm: 11.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/7/2024)	131,900
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	67,006-139,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	132,867
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	192,633
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,606
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,460
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	716
Slg CP NN được mua (tr.đv)	37.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	46.5%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	52,618	63,409	76,284
EBITDA đc (tỷ đồng)	10,738	12,798	15,620
LNTT (tỷ đồng)	9,203	11,104	13,548
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,449	7,903	9,896
FCF (tỷ đồng)	5,539	4,786	7,194
EPS ĐC (đồng)	4,661	4,937	6,181
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500
BVPS (đồng)	19,665	20,037	23,718
T.trưởng EBITDA (%)	24.5	19.2	22.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.24	5.91	25.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.2	20.5
Tỷ suất LNTT (%)	17.5	17.5	17.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.3	12.5	13.0
Tỷ lệ LN trả CT (%)	42.9	40.5	40.4
Nợ thuần/VCSH (%)	25.5	21.4	14.1
ROAE (%)	28.1	29.2	31.0
ROACE (%)	29.3	30.4	31.3
EV/doanh thu (lần)	3.29	3.13	2.58
EV/EBITDA ĐC (lần)	16.1	15.5	12.6
P/E ĐC (lần)	28.3	26.7	21.3
P/B (lần)	6.71	6.58	5.56
Lợi suất cổ tức (%)	1.52	1.52	1.90

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA

Chuyên Viên, Ngành Công Nghiệp

nga.ttthu@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Lợi nhuận Q2/2024 tích cực nhờ mảng Công nghệ

- FPT công bố KQKD Q2/2024 tích cực, với lợi nhuận thuần đạt 1.874 tỷ đồng (tăng 24% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 15.245 tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ). Với kết quả trên, lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2024 lên 3.672 tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ), hoàn thành 46,3% dự báo lợi nhuận thuần cho cả năm 2024 của HSC.
- Mảng Công nghệ trở thành động lực tăng trưởng doanh thu chính của FPT với mức tăng 31% so với cùng kỳ trong khi tỷ suất lợi nhuận được cải thiện ở mảng Giáo dục và Đầu tư và mảng Viễn thông đã thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận thuần.
- Sự sụt giảm giá cổ phiếu mạnh gần đây của những công ty công nghệ lớn tại Mỹ có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ của Việt Nam, vốn đã tăng trưởng mạnh từ đầu năm đến nay. Việc giá cổ phiếu FPT điều chỉnh (nếu có) sẽ là cơ hội an toàn để NĐT tích lũy cổ phiếu này. Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng.

Sự kiện: Công bố KQKD sơ bộ Q2/2024

Ngày 18/7/2024, FPT công bố KQKD Q2/2024 tích cực và sát với dự báo của HSC. Theo đó, lợi nhuận thuần trong quý đạt 1.874 tỷ đồng (tăng 24% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 15.245 tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ). Với kết quả trên, lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2024 lên 3.672 tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 29.338 tỷ đồng (tăng 21% so với cùng kỳ). Như vậy, sau nửa đầu năm 2024 FPT đã hoàn thành 46,3% dự báo lợi nhuận thuần và doanh thu thuần cho cả năm 2024 của chúng tôi. Chi tiết như sau:

Doanh thu tăng nhờ mảng Công nghệ

Doanh thu thuần Q2/2024 của FPT đạt 15.245 tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ và tăng 8% so với quý trước) nhờ doanh thu mảng Công nghệ tăng mạnh 13% so với quý trước đạt 9.605 tỷ đồng.

Trong mảng nghệ, chúng tôi nhận thấy doanh thu phân khúc dịch vụ CNTT nước ngoài và phân khúc dịch vụ CNTT trong nước có mức tăng trưởng so với cùng kỳ ngang nhau. Trong đó:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD tháng 6 & Q2/2024, FPT

KQKD tháng 6 mạnh mẽ giúp lợi nhuận thuần Q2/2024 tăng 24% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	T6/24	% sv cùng kỳ	% sv tháng trước	Q2/24	% sv cùng kỳ	% sv quý trước
Doanh thu	5,422	28.4%	10.0%	15,245	22.1%	8.2%
Công nghệ	3,564	38.6%	16.5%	9,605	30.5%	13.4%
Nước ngoài	2,575	29.9%	1.1%	7,574	30.8%	8.2%
Trong nước	989	67.9%	93.9%	2,031	29.6%	37.9%
Viễn thông	1,457	11.8%	2.5%	4,232	8.7%	5.5%
Mảng khác	402	15.2%	-9.9%	1,408	14.1%	-12.5%
LNTT	885	21.4%	2.2%	2,664	20.1%	5.1%
Công nghệ	521	20.0%	35.7%	1,297	18.0%	12.3%
Nước ngoài	421	26.0%	11.4%	1,179	24.8%	5.7%
Trong nước	100	0.0%	1566.7%	118	-23.4%	195.0%
Viễn thông	321	20.2%	-0.3%	933	18.1%	13.0%
Mảng khác	43	53.6%	-73.1%	434	31.9%	-21.5%
Lợi nhuận thuần	620	27.8%	3.9%	1,874	24.2%	4.2%

Nguồn: FPT

- Doanh thu phân khúc dịch vụ CNTT nước ngoài tăng 31% so với cùng kỳ và tăng 8% so với quý trước đạt 7.574 tỷ đồng nhờ nhu cầu tại các thị trường trọng điểm tăng mạnh, bao gồm Nhật Bản và châu Á-Thái Bình Dương. Doanh thu tại thị trường Nhật Bản và châu Á-Thái Bình Dương tăng mạnh lần lượt 37% và 31% so với cùng kỳ (tăng 12% và 6% so với quý trước đó.) Nhu cầu tại thị trường Mỹ tăng ít hơn, chỉ tăng 14% so với cùng kỳ và không đổi so với quý trước. Trong Q2/2024, Nhật Bản đóng góp 40% doanh thu phân khúc dịch vụ CNTT trong nước. Thị trường châu Á-Thái Bình Dương và Mỹ đóng góp lần lượt 26% và 25%. Chi tiêu cho CNTT tại các thị trường này tăng mạnh, chủ yếu nhờ các dịch vụ Chuyển đổi số (bao gồm Điện toán đám mây, AI/Phân tích dữ liệu, Product Engineering), tăng mạnh 35% so với cùng kỳ và tăng 27% so với quý trước lên 3.748 tỷ đồng. Tổng giá trị các hợp đồng được ký mới trong Q2/2024 tăng gấp đôi so với Q2/2023 đạt 8.853 tỷ đồng, nhưng giảm nhẹ 10% so với Q1/2024.
- Phân khúc dịch vụ CNTT trong nước cũng ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu mạnh 30% so với cùng kỳ và 38% so với quý trước đạt 2.031 tỷ đồng, chủ yếu nhờ các sản phẩm Made-by-FPT (tăng 20% so với cùng kỳ lên 444 tỷ đồng trong Q2/2024). Đây là thành quả của sự nỗ lực tăng cường hợp tác với các cơ quan Chính phủ và đẩy mạnh ứng dụng các dịch vụ Điện toán đám mây và AI cho doanh nghiệp trong nước, tập trung vào ngành tài chính và ngân hàng.

Đối với mảng Viễn thông, doanh thu tăng khiêm tốn 9% so với cùng kỳ (tăng 6% so với quý trước) đạt 4.232 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ dịch vụ băng thông rộng tăng 13% so với cùng kỳ và 5% so với quý trước lên 4.081 tỷ đồng trong khi doanh thu từ các dịch vụ khác giảm 11% so với cùng kỳ nhưng tăng 19% so với quý trước lên 151 tỷ đồng. Cuối cùng, doanh thu mảng Giáo dục trong Q2/2024 đạt 1.649 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ nhưng giảm 7% so với quý trước).

Lợi nhuận thuần tăng mạnh 24% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước

FPT công bố lợi nhuận thuần trong Q2/2024 tích cực, đạt 1.874 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước, sát với dự báo của HSC. Theo đó, tỷ suất LNTT Q2/2024 đạt 17,5%, giảm nhẹ so với mức 17,8% trong Q2/2023. Ngược lại, tỷ suất lợi nhuận thuần tăng nhẹ lên mức 12,3% (từ 12,1% trong Q2/2023) nhờ phần lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát và thuế doanh nghiệp giảm xuống.

Về tỷ suất lợi nhuận, HSC nhận thấy tỷ suất lợi nhuận mảng Viễn thông, Giáo dục và Đầu tư tăng mặc dù tỷ suất lợi nhuận mảng Công nghệ giảm. Chi tiết như sau (Bảng 2):

- Trong Q2/2024, mảng Công nghệ đang chịu áp lực với tỷ suất LNTT đạt 13,5%, giảm so với mức 14,9% của cùng kỳ năm ngoái do hạch toán khấu hao lợi thế thương mại từ một số thương vụ M&A đã hoàn thành vào năm ngoái. Ngoài ra, sức chi tiêu cho CNTT trong nước giảm từ đầu năm đến nay cũng ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của mảng này.
- Tỷ suất lợi nhuận mảng Viễn thông trong quý cải thiện đáng kể ở mức 22%, cao hơn mức 20,3% trong Q2/2023 nhờ nỗ lực cải thiện hiệu quả và quản lý chi phí tốt hơn từ đầu năm đến nay trong bối cảnh doanh thu tăng chậm lại.
- Tỷ suất LNTT mảng Giáo dục và Đầu tư tăng mạnh lên 30,8% trong Q2/2024 từ mức 26,7% cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu nhờ sự cải thiện trong HĐKD của các công ty liên kết bao gồm FRT (FPT sở hữu 46,5% cổ phần; Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 191.600đ) và Synnex (FPT sở hữu 48% cổ phần; chưa khuyến nghị).

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu 147.200đ.

Cho nửa đầu năm 2024, FPT công bố doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 21,4% và 22,3% so với cùng kỳ đạt 29.338 tỷ đồng và 3.672 tỷ đồng. Với kết quả này, FPT đã hoàn thành 46,3% dự báo doanh thu thuần 63.409 tỷ đồng (tăng trưởng 20,5%) và lợi nhuận thuần 7.923 tỷ đồng (tăng trưởng 22,5%) cho cả năm 2024 của chúng tôi. FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 23,5 lần, cao hơn bình quân 3 năm ở mức 15,5 lần. Trong khi đó, FPT cũng nhanh chóng bắt kịp mức định giá trong khu vực, với P/E dự phóng năm 2024/2025 lần lượt ở mức 24,3 lần và 22 lần.

Chúng tôi lưu ý rằng sự sụt giảm mạnh trong giá cổ phiếu gần đây của các công ty công nghệ lớn tại Mỹ có tiềm năng ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ của Việt Nam, vốn đã tăng trưởng mạnh từ đầu năm đến nay. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, các công ty công nghệ Việt Nam có triển vọng lợi nhuận tích cực như FPT (lợi nhuận thuần dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm là 24,3%) xứng đáng được định giá lại ở mặt bằng cao hơn. Giá cổ phiếu điều chỉnh trong thời gian tới (nếu có) sẽ là cơ hội tốt để tích lũy cổ phiếu này. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu không đổi là 147.200đ (tiềm năng tăng giá: 12%).

Bảng 2: Biến động tỷ suất lợi nhuận, FPT

Tỷ suất lợi nhuận mảng công nghệ chịu áp lực do ghi nhận khấu hao lợi thế thương mại của một số thương vụ M&A trong năm ngoái. Trong khi đó, các mảng khác ghi nhận tỷ suất lợi nhuận mở rộng trong Q2/2024

Tỷ suất lợi nhuận	Q1/2023	Q2/2023	Q1/2024	Q2/2024	6T2023	6T2024
Tỷ suất LNTT	18.2%	17.8%	18.0%	17.5%	18.0%	17.7%
Công nghệ	13.2%	14.9%	13.6%	13.5%	14.1%	13.6%
Nước ngoài	16.4%	16.3%	15.9%	15.6%	16.3%	15.7%
Trong nước	1.2%	9.8%	2.7%	5.8%	5.7%	4.5%
Viễn thông	19.1%	20.3%	20.6%	22.0%	19.7%	21.3%
Mảng khác	46.9%	26.7%	34.4%	30.8%	35.9%	32.7%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	12.8%	12.1%	12.8%	12.3%	12.4%	12.5%

Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	44,010	52,618	63,409	76,284	92,859
Lợi nhuận gộp	17,167	20,320	24,516	29,676	36,263
Chi phí BH&QL	(10,373)	(11,868)	(14,368)	(17,337)	(21,152)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	6,795	8,452	10,147	12,339	15,111
Lãi vay thuần	311	618	533	577	699
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	484	42.3	314	499	630
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	73.0	91.3	110	132	161
LNTT	7,662	9,203	11,104	13,548	16,600
Chi phí thuế TNDN	(1,171)	(1,415)	(1,622)	(1,931)	(2,315)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,181)	(1,323)	(1,559)	(1,697)	(1,852)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5,310	6,465	7,923	9,920	12,434
Lợi nhuận thuần ĐC	5,297	6,449	7,903	9,896	12,405
EBITDA ĐC	8,628	10,738	12,798	15,620	19,163
EPS (đồng)	4,429	4,661	4,937	6,181	7,747
EPS ĐC (đồng)	4,429	4,661	4,937	6,181	7,747
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,500	2,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,095	1,267	1,460	1,460	1,460
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,460	1,460	1,460
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,460	1,460	1,460

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	6,440	8,279	10,928	15,337	20,865
Đầu tư ngắn hạn	13,047	16,104	19,325	23,190	27,828
Phải thu khách hàng	8,503	9,674	11,604	13,960	16,993
Hàng tồn kho	1,966	1,593	1,902	2,289	2,786
Các tài sản ngắn hạn khác	982	1,055	1,268	1,526	1,857
Tổng tài sản ngắn hạn	30,938	36,706	45,027	56,301	70,330
TSCĐ hữu hình	11,776	13,697	14,720	15,695	16,476
TSCĐ vô hình	1,287	1,257	1,197	1,094	936
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,033	1,227	1,322	1,421	1,525
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,206	2,108	2,213	2,324	2,440
Tài sản dài hạn khác	4,411	5,288	5,992	6,591	7,461
Tổng tài sản dài hạn	20,713	23,577	25,443	27,124	28,837
Tổng cộng tài sản	51,650	60,283	70,470	83,425	99,167
Nợ ngắn hạn	10,904	13,838	15,852	18,308	20,429
Phả trả người bán	3,209	2,603	3,170	3,814	4,643
Nợ ngắn hạn khác	9,246	11,176	13,011	15,653	19,054
Tổng nợ ngắn hạn	24,521	29,652	34,365	40,579	47,540
Nợ dài hạn	1,478	208	600	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	149	246	330	396	475
Nợ dài hạn khác	143	175	209	252	307
Tổng nợ dài hạn	1,770	629	1,139	1,648	1,782
Tổng nợ phải trả	26,294	30,350	35,504	42,227	49,322
Vốn chủ sở hữu	21,046	24,974	29,263	34,640	42,303
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,310	4,959	5,703	6,558	7,542
Tổng vốn chủ sở hữu	25,356	29,933	34,966	41,198	49,845
Tổng nợ phải trả và VCSH	51,650	60,283	70,470	83,425	99,167
BVPS (đ)	19,185	19,665	20,037	23,718	28,966
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,942	5,767	5,524	3,971	564

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	6,795	8,452	10,147	12,339	15,111
Khấu hao	(1,833)	(2,287)	(2,650)	(3,281)	(4,052)
Lãi vay thuần	311	618	533	577	699
Thuế TNDN đã nộp	(1,171)	(1,415)	(1,622)	(1,931)	(2,315)
Thay đổi vốn lưu động	(1,781)	678	(1,793)	(1,649)	(2,123)
Khác	(933)	(1,102)	(1,199)	(882)	(788)
LCT thuần từ HKKD	5,054	9,517	8,718	11,735	14,636
Đầu tư TS dài hạn	(3,215)	(3,978)	(3,932)	(4,541)	(5,147)
Góp vốn & đầu tư	(33,552)	(35,290)	(3,326)	(3,976)	(4,754)
Thanh lý	40,731	30,582	0	0	0
Khác	1,794	2,137	1,704	1,986	2,323
LCT thuần từ HĐĐT	5,757	(6,548)	(5,554)	(6,531)	(7,578)
Cổ tức trả cho CSH	(2,222)	(2,931)	(2,921)	(3,651)	(3,651)
Thu từ phát hành CP	77.0	73.1	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(7,620)	1,719	2,406	2,856	2,121
Khác	(8.38)	(30.2)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(9,773)	(1,168)	(515)	(795)	(1,530)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,418	6,440	8,279	10,928	15,337
LCT thuần trong kỳ	1,038	1,800	2,649	4,409	5,529
Ảnh hưởng của tỷ giá	(15.4)	38.6	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	6,440	8,279	10,928	15,337	20,865
Dòng tiền tự do	1,839	5,539	4,786	7,194	9,490

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	39.0	38.6	38.7	38.9	39.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.6	20.4	20.2	20.5	20.6
Tỷ suất LNT (%)	12.1	12.3	12.5	13.0	13.4
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.3	15.4	14.6	14.3	13.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	23.4	19.6	20.5	20.3	21.7
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	22.2	24.5	19.2	22.0	22.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	22.7	21.7	22.6	25.2	25.3
Tăng trưởng EPS (%)	(13.6)	5.24	5.91	25.2	25.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(13.6)	5.24	5.91	25.2	25.3
Tăng trưởng DPS (%)	(25.9)	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	45.2	42.9	40.5	40.4	32.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	27.2	28.1	29.2	31.0	32.3
ROACE (%)	26.6	29.3	30.4	31.3	32.0
Vòng quay tài sản (lần)	0.84	0.94	0.97	0.99	1.02
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.74	1.13	0.86	0.95	0.97
Số ngày tồn kho	26.7	18.0	17.9	17.9	18.0
Số ngày phải thu	116	109	109	109	110
Số ngày phải trả	43.6	29.4	29.8	29.9	29.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	30.6	25.5	21.4	14.1	3.92
Nợ/tài sản (%)	24.9	24.3	24.4	24.2	22.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.49	1.36	1.34	1.29	1.18
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.26	1.24	1.31	1.39	1.48
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.42	3.29	3.13	2.58	2.08
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.5	16.1	15.5	12.6	10.1
P/E (lần)	29.8	28.3	26.7	21.3	17.0
P/E ĐC (lần)	29.8	28.3	26.7	21.3	17.0
P/B (lần)	6.88	6.71	6.58	5.56	4.55
Lợi suất cổ tức (%)	1.52	1.52	1.52	1.90	1.90

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn